|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN ĐẮK SONG  **TRƯỜNG TH LÊ VĂN TÁM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Đắk N’Drung, ngày 15 tháng 05 năm 2023* |

**PHỤ LỤC 1**

**PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

**VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM GIAI ĐOẠN 2022-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số* Số: 79/KH-LVT *ngày 31 tháng 10 năm 2022 của trường Tiểu học Lê Văn Tám)*

**I. Phân công nhiệm vụ thực hiện**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung, chỉ tiêu** | **Chủ trì** | **Phối hợp,**  **thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **1** | 50% giáo viên có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM và kỹ năng số. | Chuyên môn | Toàn trường | Chuyên môn chỉ đạo các giáo viên thực hiện và báo cáo thống kê kết quả cụ thể |
| **2** | 50% học sinh và mỗi nhà giáo có đủ  điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến. | Chuyên môn | Toàn trường | Chuyên môn chỉ đạo các giáo viên thực hiện và báo cáo thống kê kết quả cụ thể |
| **3** | Triển khai có hiệu quả các nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm trong nước, được trên 50% học sinh sử dụng. | Giáo viên | Toàn trường | Báo cáo thống kê số liệu |
| **4** | Hình thành các kho học liệu của trường (có thể kết nối đến kho học liệu trực tuyến quốc gia) đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông | Giáo viên | Các tổ chuyên môn | Đề xuất số lượng và nội dung học liệu phê duyệt |
| **5** | Tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 5% ở các lớp. | Phụ trách chuyên môn | Các tổ chuyên môn | Tổng hợp số lượng báo cáo |
| **6** | 100% CBGVNV áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó 100% người học,100% nhà giáo và mỗi hoạt động giáo dục được quản lý bằng một hồ sơ số, định danh thống nhất toàn quốc. | Nhà trường | Toàn trường | Tổng hợp số lượng báo cáo |
| **7** | Các bộ phận chuyên môn, đoàn thể được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số; trong đó 90% hồ sơ công việc tại bộ phận hành chính; 60% công việc tại các bộ phận chuyên môn và đoàn thể được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật). | Nhà trường | Toàn trường | Tổng hợp số lượng báo cáo |
| **8** | + 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện áp dụng hình thức trực tuyến được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 (nếu không phát sinh thanh toán).  + Tỉ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%.  + Tỉ lệ người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến trên môi trường số của các cơ quan quản lý giáo  dục đạt trung bình 50%.  + Tỉ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến trên môi trường số của các cơ quan quản lý giáo  dục đạt 80%. | Nhà trường | Toàn trường | Tổng hợp số lượng báo cáo |
| **9** | 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của ngành và cấp có yêu cầu; được tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống dùng chung của tỉnh và liên thông với hệ thống thông tin báo cáo quốc gia. | Nhà trường | Toàn trường | Tổng hợp số lượng báo cáo |
| **10** | Tham mưu xây dựng CSDL ngành Giáo dục để đồng bộ với các hệ thống thông tin của ngành, tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử, chuyển đổi số của ngành được kết nối, chia sẻ; sử dụng dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội | Nhà trường | Toàn trường | Tổng hợp ý kiến báo cáo |
| **11** | Hướng dẫn các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy - học và làm việc trên môi trường số | Nhà trường | Toàn trường |  |
| **12** | Tuyên truyền rộng rãi và triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Trung ương, của Tỉnh ủy và của UBND tỉnh liên quan đến cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số như: Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XII), Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nội dung liên quan đến chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong Nghị quyết số 43-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XII), Nghị quyết Đại hội lần thứ XXII Đảng bộ tỉnh; Nghị quyết 09-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 | Nhà trường | Toàn trường | Tổng hợp số lượng báo cáo |
| **13** | Thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số/Tổ chuyển đổi số các cấp | Nhà trường | Toàn trường | Tổng hợp số lượng báo cáo |
| **14** | Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ thông tin, nghiên cứu phát triển hạ tầng số, hạ tầng Internet đảm bảo triển khai hiệu quả các hoạt động chuyển đổi số trong ngành giáo dục. Đảm bảo kết nối Internet cáp quang tới tất cả bộ phận nhà trường; đề nghị các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin có chính sách hỗ trợ dịch vụ Internet cho người học và đội ngũ giáo viên và chính sách máy tính phù hợp cho học sinh | Nhà trường | Toàn trường | Tổng hợp số lượng báo cáo |
| **15** | Xây dựng và hoàn thiện thư viện điện tử trong nhà trường; cổng thư viện số kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ học liệu trong toàn ngành; xây dựng các phòng thí nghiệm ảo, các phòng thực hành và thực tập ảo nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu của học sinh | Nhà trường | Thư viện thiết bị |  |
| **16** | 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số. | Nhà trường | Kế toán | Tổng hợp số lượng báo cáo |
| **17** | Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong nhà trường có đầy đủ máy tính phục vụ việc dạy môn Tin học và phục vụ quản lý | Nhà trường | Bộ phận phụ trách CNTT | Tổng hợp số lượng báo cáo |
| **18** | Triển khai thực hiện thanh toán học phí, lệ phí điện tử không dùng tiền mặt | Nhà trường | Kế toán- thủ quỹ | Tổng hợp số lượng báo cáo |
| **19** | Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong trường; thí điểm bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin tiếp cận chuẩn quốc tế có đủ điều kiện và yêu cầu cao về nhân lực chuyển đổi số; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu. | Nhà trường | Toàn trường | Tổng hợp số lượng báo cáo |
| **20** | Thu hút sự quan tâm của các mạnh thường quân để đầu tư xây dựng các nền tảng số và ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường, ưu tiên cho phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến, hệ thống học tập trực tuyến, kho học liệu số dùng chung, cơ sở dữ liệu ngành giáo dục. | Nhà trường | Toàn trường | Tổng hợp số lượng báo cáo |
| **21** | Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong nhà trường; tổ chức đánh giá, công bố chỉ số chuyển đổi số đối với các cá nhân đoàn thể, tổ chuyên môntrên các phương tiện thông tin đại chúng | Nhà trường | Toàn trường | Tổng hợp số lượng báo cáo |

**PHỤ LỤC 2**

**NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHUYỂN ĐỔI SỐ TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM**

**GIAI ĐOẠN 2022-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN 2030**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số* Số: 79/KH-LVT *ngày 31 tháng 10 năm 2022 của trường Tiểu học Lê Văn Tám)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nhiệm vụ, giải pháp** | **Mục tiêu 2025** | **Bộ phận chủ trì** | **Bộ phận thực**  **hiện** | **Kết quả/**  **sản phẩm** | **Thời gian thực hiện** | **Ghi chú** |
| I. | **Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào** | | | | | | |
| - | Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo | Trang bị đầy đủ máy tính phục vụ việc dạy môn Tin học và phục vụ quản lý | Hiệu trưởng, Kế toán | Kế toán, chuyên môn | Xây dựng dự toán trình HT  phê duyệt | Hàng năm |  |
| - | Hướng dẫn các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy - học và làm việc trên môi trường số | Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin được bảo đảm an toàn, an ninh thông tin theo quy định | Bộ phận CNTT | Toàn trường | -Các phương án | Quá trình thực hiện |  |
| - | Thu hút sự quan tâm của các mạnh thường quân để đầu tư xây dựng các nền tảng số và ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường, ưu tiên cho phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến, hệ thống học tập trực tuyến, kho học liệu số dùng chung, cơ sở dữ liệu ngành giáo dục. | 100% các lớp học học và hệ thống máy tính trong nhà trường được kết nối intonet | Hiệu trưởng- | Kế toán và thiết bị | Hệ thống máy | Năm 2025 |  |
| 2 | **Phát triển hệ sinh thái chuyển đổi số trong hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học** | | | | | | |
| a | Đổi mới mô hình dạy - học | | | | | | |
| - | Khuyến khích khai thác các mô hình dạy - học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng dạy học kết hợp (lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học với trợ lý ảo) phù hợp với điều kiện, đặc thù nhu cầu thực tế của nhà trường | - 2-3 giáo viên | Chuyên môn | Các Tổ chuyên môn | Chương trình giáo dục | Năm học 2024-2025 |  |
| b | Xây dựng và phát triển kho học liệu số chia sẻ dùng chung | | | | | | |
| - | Hình thành các kho học liệu của trường (có thể kết nối đến kho học liệu trực tuyến quốc gia) đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông | 100% gv sử dụng | Chuyên môn | Toàn trường | Chương trình giáo dục | Hàng năm |  |
| - | Xây dựng và hoàn thiện thư viện điện tử trong nhà trường; cổng thư viện số kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ học liệu trong toàn ngành; xây dựng các phòng thí nghiệm ảo, các phòng thực hành và thực tập ảo nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu của học sinh | Thư viện chuẩn | Thư viện | Toàn trường | Hoạt động thư viện | Hàng năm |  |
| - | Trang bị cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số. | Đạt yêu cầu tối thiểu theo quy định | Hiệu trưởng | Thiết bị và các tổ chuyên môn | Hoạt động giáo dục | Hàng năm |  |
| c | Phát triển các ứng dụng, nền tảng số phục vụ quản trị các cơ sở giáo dục | | | | | | |
| - | Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số có đầy đủ máy tính phục vụ việc dạy môn Tin học và phục vụ quản lý. | 100% bộ phận chuyên môn và các bộ phận giúp việc khác | Hiệu trưởng | Thiết bị và các tổ chuyên môn | Hoạt động giáo dục | Hàng năm |  |
| - | Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong trường; thí điểm bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin tiếp cận chuẩn quốc tế có đủ điều kiện và yêu cầu cao về nhân lực chuyển đổi số; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu. | 2-3 CBGVNV có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin tiếp cận chuẩn quốc tế có đủ điều kiện và yêu cầu cao về nhân lực chuyển đổi số; | Hiệu trưởng | Thiết bị và các tổ chuyên môn | Kế hoạch bồi dưỡng | Hàng năm |  |
| - | Thu hút sự quan tâm của các mạnh thường quân để đầu tư xây dựng các nền tảng số và ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường, ưu tiên cho phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến, hệ thống học tập trực tuyến, kho học liệu số dùng chung, cơ sở dữ liệu ngành giáo dục. | Hệ thống cơ sở hạ tầng ổn định, bền vững. | Hiệu trưởng | Thiết bị và phụ trách CNTT | Thiết bị, đường truyền | Hàng năm |  |
| - | Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong nhà trường; tổ chức đánh giá, công bố chỉ số chuyển đổi số đối với các cá nhân đoàn thể, tổ chuyên môn trên các phương tiện thông tin đại chúng |  | Hiệu trưởng |  |  |  |  |